TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 20-9-2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thùy Kha
2. Bà Trương Võ Minh Nguyệt

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Ông Lê Thanh Phú – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 93/2019/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019, về việc: "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: Chị Trần Thanh H, sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: ấp PQ, xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.
* ***Bị đơn***: Anh Lê Hoàng S, sinh năm: 1973(vắng mặt)
Địa chỉ: ấp PQ, xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thanh H trình bày: Nguyên vào đầu năm 1996, chị với anh Lê Hoàng S kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 196/1996, ngày 10/10/1996.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại ấp PQ, xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, chồng chị thường xuyên ăn nhậu, đánh đập vợ con hơn nữa còn dùng lời lẽ thô tục xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị.

Nay chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoàng S. Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Thị Hồng H1, sinh ngày 06/12/1991 và Lê Hoàng P, sinh ngày 08/5/2000. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Lê Hoàng S nhưng anh S vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa chị Trần Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Lê Hoàng S vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thanh H. Xử cho chị H được ly hôn với anh S. Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu nên không xét. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Hoàng S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1996, chị Trần Thanh H và anh Lê Hoàng S kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 196/1996, ngày 10/10/1996 , nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị H cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại ấp PQ, xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, chồng chị thường xuyên ăn nhậu, đánh đập vợ con hơn nữa còn dùng lời lẽ thô tục xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị, chị nhận thấy không thể sống chung với anh S, nên chị yêu cầu ly hôn với anh S. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định cho anh S đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng

anh S vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh S đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu ly hôn với anh S là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Thị Hồng H1, sinh ngày 06/12/1991 và Lê Hoàng P, sinh ngày 08/5/2000. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thanh H.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thanh H được ly hôn với anh Lê Hoàng S.

2/Về con chung: Lê Thị Hồng H1, sinh ngày 6/12/1991 và Lê Hoàng P, sinh ngày 08/5/2000. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: chị Trần Thanh H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0006942, ngày 27/3/2019, chị H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAT: 01;
- VKSND huyện MT:01;
- THADS huyện MT: 01;
-UBND huyện MT(1996):01;
- Đưng sự: 02 ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Tám